

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

TS. Phạm Văn Thủy
Phó Cục trưởng Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam

Vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có địa giới hành chính bao gồm 12 tỉnh và 01 thành phố trực thuộc Trung ương là Cần Thơ, An Giang, Bến Tre, Bạc Liêu, Cà Mau, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Long An, Tiền Giang, Trà Vinh và Vĩnh Long. Vùng ĐBSCL tiếp giáp với thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ ở phía Đông Bắc, phía Tây Bắc tiếp giáp với Campuchia, phía Tây Nam, phía Nam và Đông Nam tiếp giáp với vịnh Thái Lan và biển Đông. Trong Chiến lược và Quy hoạch phát triển du lịch Việt Nam các thời kỳ, vùng ĐBSCL luôn được định vị là một vùng du lịch, có những đặc trưng riêng biệt, có các quan hệ liên kết nội vùng, ngoại vùng để phát triển du lịch.

1. Một số giá trị tài nguyên nổi bật và thực trạng phát triển du lịch

Vùng ĐBSCL sở hữu tài nguyên du lịch tự nhiên khá đa dạng, phong phú, với 04 vùng sinh thái đặc trưng là: (1) Khu vực ngập nước Đồng Tháp Mười; (2) Khu vực ven biển hạ lưu sông Tiền, sông Hậu với hệ thống cồn, cù lao; (3) Khu vực tứ giác Long Xuyên trù phú gồm An Giang, Kiên Giang, Cần Thơ; (4) Khu vực bán đảo Cà Mau đặc sắc với rừng ngập mặn ven biển.

Tài nguyên du lịch biển, đảo của Vùng ĐBSCL tập trung chủ yếu ở Kiên Giang với trọng tâm là thành phố đảo Phú Quốc cùng với các đảo, quần đảo ven bờ của huyện Kiên Hải, thành phố Hà Tiên... Ngoài ra, còn có một số bãi biển ở các tỉnh phía Đông của Vùng ĐBSCL và mũi Cà Mau.

Tài nguyên du lịch núi, rừng: Vùng ĐBSCL có 3 khu dự trữ sinh quyển, 5 vườn quốc gia, 3 khu bảo tồn tự nhiên, 3 khu bảo tồn loài, 7 khu bảo vệ sinh cảnh và 1 khu rừng nghiên cứu thực nghiệm khoa học. Vùng ĐBSCL không có núi cao, toàn bộ các ngọn núi thấp của vùng tập trung tại An Giang và Kiên Giang

Tài nguyên du lịch tự nhiên nổi bật nhất tạo nên giá trị đặc thù, khác biệt của vùng ĐBSCL so với các vùng khác trong cả nước là cảnh quan sông nước - miệt vườn gắn với hạ lưu sông Mekong với 09 nhánh cửa sông đổ ra biển và hệ thống kênh rạch chằng chịt, các cồn, cù lao, miệt vườn, đồng ruộng và vườn cây ăn trái tại các vùng ven sông, cù lao.

Tài nguyên du lịch văn hóa vùng ĐBSCL cũng khá độc đáo, đặc biệt là văn hóa truyền thống của người dân Nam bộ gắn với đời sống sinh hoạt, sản xuất miền sông nước. ĐBSCL là nơi giao thoa, hòa trộn giữa các nền văn hóa dân tộc của

người Kinh, người Hoa, người Khmer và người Chăm. Đây là yếu tố hết sức quan trọng tạo nên những giá trị văn hóa đặc sắc, đa dạng.

Vùng ĐBSCL còn nổi tiếng có bề dày lịch sử đấu tranh bảo vệ tổ quốc. Tại đây đã diễn ra nhiều trận chiến làm nên những bước ngoặt lịch sử của dân tộc cũng như là những căn cứ cách mạng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Văn hóa tâm linh cũng là một nét văn hóa đặc trưng, độc đáo của Vùng ĐBSCL. Vùng có hệ thống chùa, đền, đình, miếu tương đối phong phú. Văn hóa ẩm thực ĐBSCL mang nét độc đáo riêng với nguyên liệu và cách thức chế biến dân dã, giản đơn nhưng hết sức thú vị, hấp dẫn, với nhiều món ăn nổi tiếng. ĐBSCL cũng là nơi có nhiều lễ hội thu hút đông đảo khách du lịch, hệ thống di sản văn hóa phi vật thể tương đối phong phú, với 13 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, trong đó có di sản đã tham gia đóng góp tạo thành những sản phẩm du lịch hết sức đặc thù của vùng như Đờn ca tài tử Nam Bộ.

*Nét đặc trưng nổi trội của tài nguyên du lịch văn hóa vùng ĐBSCL là đặc tính văn hóa truyền thống, phong cách sống của người dân nơi đây, thể hiện ngắn gọn, giản dị là **phong cách anh Hai Nam Bộ**. Phong cách này đã thấm đẫm cùng tinh thần “**yêu quê, tín nghĩa, trọng tình**” của nhân dân ĐBSCL, thể hiện rõ nét qua nhiều giai đoạn trong lịch sử bảo vệ và xây dựng đất nước. Phong cách này đã lan tỏa trong văn hóa truyền thống, sinh hoạt của cộng đồng dân cư trong vùng.*

Nhờ phát huy tốt thế mạnh về tài nguyên cho phát triển du lịch, du lịch vùng ĐBSCL đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong thời gian qua. Năm 2019, trước khi đại dịch Covid 19 bùng phát, tổng lượng khách du lịch đến các tỉnh Vùng ĐBSCL đạt khoảng 46,4 triệu lượt, chiếm 45% so với tổng lượt khách cả nước (13/63 tỉnh/thành nhưng chiếm gần ½ tổng lượng khách du lịch). Các địa phương thu hút lượng khách du lịch lớn nhất Vùng gồm: An Giang, Kiên Giang, Cần Thơ, Tiền Giang, Đồng Tháp. Tổng thu từ du lịch toàn Vùng năm 2019 đạt 45.805 tỷ đồng, chiếm khoảng 6,1% tổng thu du lịch cả nước. Trong đó, Kiên Giang là địa phương có đóng góp lớn nhất trong cơ cấu tổng thu du lịch toàn Vùng, với 18.596 tỷ đồng, chiếm 40,6%; tiếp theo là Tiền Giang với 6.647 tỷ đồng, chiếm 14,7%; An Giang với 5.500 tỷ đồng, chiếm 12%; Cần Thơ với 4.435 tỷ đồng, chiếm 9,7%.

Năm 2020, đại dịch COVID-19 bùng phát trên phạm vi toàn cầu, ngành du lịch chịu ảnh hưởng nặng nề. Du lịch vùng ĐBSCL cũng không nằm ngoài những tác động tiêu cực này, các hoạt động du lịch bị đình trệ, đóng cửa cục bộ, kéo dài cho đến hết năm 2021. Tổng lượng khách đến Vùng năm 2021 chỉ đạt 14,77 triệu lượt (bằng 31,9% lượng khách năm 2019, giảm 68,1%); tổng thu từ du lịch chỉ đạt 14.036 tỷ đồng (bằng 30,6% so với năm 2019, giảm 69,4%). Năm 2022, du lịch của vùng được phục hồi, tăng mạnh so với 2021 tuy nhiên tổng lượng khách đến và tổng

thu từ du lịch vẫn thấp hơn năm 2019, cụ thể: tổng lượng khách đến đạt trên 37,46 triệu lượt khách (bằng 80,7% so với 2019), tổng thu từ du lịch 36.427 tỷ đồng (bằng 79,5% so với 2019). Tổng thu từ du lịch của vùng ĐBSCL năm 2022 chỉ chiếm khoảng 7,35% tổng thu du lịch cả nước.

2. Phân tích cơ hội, thách thức đối với phát triển du lịch vùng ĐBSCL

*** Cơ hội**

- Lượng khách du lịch đến với khu vực này luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lượng khách du lịch của cả nước trong nhiều năm, thể hiện giá trị tài nguyên, sức hút du lịch của tài nguyên đặc trưng của khu vực vẫn khá lớn, còn nhiều dư địa để phát triển du lịch.

- Việc nhấn mạnh trong truyền thông quốc tế rằng khu vực này là 1 trong 6 khu vực trên toàn cầu chịu ảnh hưởng nặng nề nhất do biến đổi khí hậu, có thể biến mất hoàn toàn do nước biển dâng đã tạo làn sóng thúc đẩy khách du lịch đến với khu vực này để tham quan, trải nghiệm trước khi “”biến mất””.

- Xu thế dịch chuyển dòng khách du lịch quốc tế đến Châu Á – Thái Bình Dương (trong đó có Việt Nam); xu thế phát triển du lịch trải nghiệm thiên nhiên, du lịch xanh, du lịch dựa vào cộng đồng (CBT)... tạo cơ hội phát triển các sản phẩm du lịch này, vốn là sản phẩm tiêu biểu của vùng, gia tăng thêm sức hút du lịch.

- Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch tại các địa phương trong vùng được cải thiện nhiều tạo điều kiện thuận lợi để gia tăng năng lực đón và vận chuyển khách du lịch đến với vùng và luân chuyển nội vùng.

- Các vùng, các tỉnh/thành trong cả nước đẩy mạnh liên kết phát triển du lịch; công tác truyền thông, quảng bá xúc tiến có nhiều đổi mới, đặc biệt ứng dụng chuyển đổi số nâng cao hiệu quả truyền thông, chất lượng nguồn nhân lực du lịch từng bước được cải thiện; đầu tư phát triển du lịch từng bước phát huy hiệu quả; sự quan tâm phát triển du lịch của chính quyền các cấp, nhận thức vai trò của du lịch trong các tầng lớp nhân dân được cải thiện, từng bước phát huy hiệu quả để phát triển du lịch.

*** Thách thức**

Mặc dù sở hữu tài nguyên du lịch đa dạng, phong phú, có nét đặc trưng riêng mà các khu vực khác không có nhưng du lịch vùng ĐBSCL chưa thực phát huy hết tiềm năng, thế mạnh vốn có; đóng góp du lịch của Vùng đối với du lịch cả nước còn khá khiêm tốn. Những khó khăn, thách thức chủ yếu đặt ra đối với phát triển du lịch vùng ĐBSCL thời gian qua có thể kể đến như:

- Tác động của biến đổi khí hậu đến ĐBSCL thể hiện ngày càng lớn đến đời

sống, sinh hoạt, lao động sản xuất, sinh kế của người dân và du lịch cũng không nằm ngoài, thậm chí chịu nhiều tác động lan tỏa từ tâm lý bất an đó. Các biểu hiện xâm nhập mặn vào sâu ảnh hưởng tiêu cực đến năng suất lúa và các vườn cây trái; mùa lũ về chậm lại mang theo ít cá tôm, phù sa bồi đắp gián tiếp gây ra sạt lở, tâm lý lo ngại nước biển dâng mất đất... là thách thức lớn tạo tâm lý ít chú trọng đến mục tiêu lâu dài, bền vững.

- Do tính chất phân bố dân cư không tập trung, nhiều kênh rạch nên khó khăn về hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, đặc biệt là hạ tầng giao thông kết nối giữa các trung tâm đô thị với các điểm tài nguyên, khu du lịch được khắc phục chậm; hệ thống đường cao tốc kết nối liên vùng và nội vùng; hạ tầng cảng thủy nội địa phục vụ khách du lịch cùng hệ thống cầu, cảng phục vụ di chuyển của khách còn thiếu ở hầu khắp các địa phương trong vùng. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch còn nhiều hạn chế, thiếu vắng những cơ sở lưu trú du lịch đẳng cấp, chất lượng; cơ sở vui chơi giải trí, mua sắm,... cũng khá khiêm tốn.

- Một trong những hạn chế lớn của ĐBSCL về phát triển du lịch trong nhiều năm qua là vấn đề trùng lặp về sản phẩm du lịch do cùng khai thác sắc thái chung của tài nguyên tự nhiên là sông nước, miệt vườn. Các địa phương trong Vùng chưa thực sự khai thác, phát huy thế mạnh riêng có để xây dựng “mỗi địa phương một sản phẩm đặc thù” để giảm sự trùng lặp về sản phẩm du lịch, tăng sức hấp dẫn thu hút khách đến từng địa phương. Trong những năm gần đây, một số địa phương đã hướng đến những đặc trưng riêng để tạo sự khác biệt như Cần Thơ với các lễ hội bánh và trái cây Nam Bộ, Đồng Tháp khai thác văn hóa ẩm thực với 200 món ăn từ sen, Bạc Liêu với lễ hội Đờn ca tài tử, Vĩnh Long với homestay tiêu chuẩn ASEAN và di sản quần thể lò gốm Mang Thít... Tuy nhiên, việc khai thác các giá trị gia tăng của các sản phẩm du lịch chưa nhiều nên cho đến nay, mặc dù lượng khách đến vùng ĐBSCL chiếm gần ½ so với cả nước nhưng tổng thu từ du lịch chỉ chiếm dưới 10% so với cả nước.

- Đầu tư cho phát triển du lịch vùng ĐBSCL còn khá khiêm tốn. Ngoại trừ Kiên Giang (Phú Quốc) và Cần Thơ là hai địa phương thu hút đầu tư lớn nhất Vùng, các địa phương khác hầu hết chưa thu hút được nhà đầu tư lớn, nhà đầu tư nước ngoài. Các dự án đầu tư nhỏ lẻ, thiếu trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả mang lại chưa cao. Liên kết, hợp tác phát triển du lịch vùng ĐBSCL còn hạn chế, còn thiếu cơ chế điều phối và phát huy vai trò đầu tàu trong liên kết, hợp tác phát triển du lịch để hỗ trợ lẫn nhau, tạo sự đồng bộ và hiệu ứng lan tỏa trong toàn Vùng.

- Vùng ĐBSCL còn khó khăn về điều kiện kinh tế - xã hội, mức sống của người dân chưa cao, trình độ dân trí thấp nên nhận thức của người dân về phát triển du lịch còn nhiều hạn chế. Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu (chưa

đủ về số lượng và còn yếu về trình độ). Công tác xúc tiến, quảng bá du lịch còn thiếu chuyên nghiệp, chưa bài bản, chưa có sự phối kết hợp chặt chẽ trong xúc tiến, quảng bá giữa các địa phương, nguồn lực cũng hết sức eo hẹp.

3. Một số định hướng chiến lược phát triển du lịch ĐBSCL đến năm 2030

(1) Định hướng phát triển sản phẩm du lịch

Tập trung phát triển sản phẩm du lịch theo ba nhóm sản phẩm với thứ tự ưu tiên như sau:

a/ *Sản phẩm du lịch đặc thù*: du lịch trải nghiệm gắn với đời sống sông nước, miệt vườn; du lịch sinh thái; du lịch văn hóa gắn với các giá trị di sản và bản sắc văn hóa của đồng bào Nam Bộ...

b/ *Sản phẩm du lịch quan trọng*: du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo; du lịch gắn với công nghiệp giải trí; du lịch gắn với nông nghiệp, nông thôn.

c/ *Sản phẩm du lịch bổ trợ*: du lịch cộng đồng, du lịch gắn với các lễ hội; du lịch ẩm thực; du lịch tìm hiểu các di tích lịch sử cách mạng, du lịch MICE.

(2) Định hướng phát triển thị trường du lịch

- Thị trường khách quốc tế: quan tâm đều các thị trường truyền thống và mới nổi; chú trọng thu hút khách Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Mỹ, Úc và Nga có khả năng chi tiêu cao; thị trường Trung Quốc với số lượng khách du lịch ra nước ngoài rất lớn; thị trường Thái Lan, Lào, Campuchia là những thị trường gần cũng cần quan tâm, thu hút.

- Thị trường khách nội địa: Ưu tiên thu hút khách từ thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh vùng Đông Nam Bộ; mở rộng tiếp cận, khai thác thị trường khách từ các tỉnh vùng Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ là những thị trường gần; quan tâm khai thác thị trường từ Hà Nội và vùng Đồng bằng sông Hồng có nhiều tiềm năng.

(3) Định hướng tổ chức không gian phát triển du lịch:

- Không gian phát triển du lịch: chia thành 02 cụm

+ Không gian du lịch phía Tây: bao gồm thành phố Cần Thơ và các tỉnh: An Giang; Kiên Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau; với định hướng khai thác sản phẩm du lịch đặc trưng gồm: tham quan đất Mũi, Tây Đô; nghỉ dưỡng biển đảo; sinh thái; trải nghiệm đời sống sông nước, chợ nổi; nghiên cứu tìm hiểu văn hóa, di tích lịch sử, lễ hội;

+ Không gian du lịch phía Đông: bao gồm các tỉnh còn lại với định hướng

khai thác sản phẩm du lịch đặc trưng gồm: trải nghiệm đời sống sông nước, miệt vườn; tham quan làng nghề, các di tích lịch sử, cách mạng, lưu trú nhà dân.

- Khu du lịch, điểm du lịch và trung tâm du lịch:

+ Tập trung phát triển 05 khu du lịch quốc gia, gồm: Thới Sơn nằm trong cụm cù lao Long Tân Quy Phụng, Phú Quốc, Năm Căn – Mũi Cà Mau, Tràm Chim – Láng Sen, Núi Sam; 07 điểm du lịch quốc gia, gồm: Khu phức hợp giải trí xứ sở Hạnh phúc, Cù lao ông Hồ, Khu lưu niệm nghệ thuật đờn ca tài tử Nam bộ và nhạc sỹ Cao Văn Lầu, Bến Ninh Kiều, Hà Tiên, Văn Thánh Miếu, Ao Bà Om;

+ Trung tâm du lịch: Phát triển TP. Cần Thơ và Phú Quốc thành trung tâm du lịch và điều phối khách cho toàn Vùng; phát triển TP Mỹ Tho thành trung tâm du lịch của Không gian du lịch phía Đông, đồng thời là trung tâm phụ trợ của Vùng.

- Phát triển các tuyến du lịch: *Tuyến du lịch nội vùng*: bao gồm các tuyến du lịch chính (theo quốc lộ kết nối trung tâm du lịch, các khu điểm du lịch), tuyến du lịch phụ trợ (hệ thống giao thông kết nối trung tâm du lịch địa phương đến các điểm phụ cận); tuyến du lịch chuyên đề (sinh thái rừng, biển, khám phá vùng đất ngập nước Đồng Tháp Mười, rừng U Minh, Năm Căn, du khảo đồng quê...). *Tuyến du lịch liên vùng* theo đường bộ, đường thủy và đường không, kết nối đến các tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ; vùng Tây Nguyên; duyên hải miền Trung và các tỉnh phía Bắc. *Tuyến du lịch quốc gia và quốc tế* dựa trên việc mở rộng các tuyến du lịch liên vùng gắn với TP. Hồ Chí Minh, TP. Cần Thơ, Cà Mau; tuyến hành lang ven biển phía Nam và hệ thống cửa khẩu quốc tế đường bộ Hà Tiên, Tịnh Biên, Dinh Bà, Thường Phước và Bình Hiệp; tuyến đường biển qua các cảng biển và tuyến đường sông trên sông Tiền và sông Hậu kết nối với Phnompenh, Seam Reap; tăng cường phát triển các tuyến du lịch đường không quốc tế trên cơ sở nâng cấp, mở rộng cảng hàng không quốc tế Cần Thơ và Phú Quốc.

(4) Định hướng đầu tư phát triển du lịch

Thu hút nguồn vốn đầu tư cho phát triển du lịch Vùng gồm: vốn đầu tư từ ngân sách (kể cả vốn ODA), Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch, vốn FDI, vốn huy động từ đóng góp từ các tổ chức, doanh nghiệp, các thành phần kinh tế trong nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác; tập trung xây dựng các chương trình và dự án đầu tư: 1) Ưu tiên đầu tư phát triển 05 khu du lịch quốc gia, 07 điểm du lịch quốc gia; 2) Phát triển nguồn nhân lực du lịch; 3) Xúc tiến quảng bá xây dựng thương hiệu Vùng; 4) Bảo tồn, tôn tạo, phát triển tài nguyên, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; 5) Phát triển hạ tầng du lịch then chốt.

*** Khuyến nghị**

Để thực hiện thành công các định hướng chiến lược phát triển du lịch vùng ĐBSCL, khai thác hiệu quả và bền vững các giá trị tài nguyên đặc thù và tạo hiệu quả đồng bộ với định hướng phát triển du lịch cả nước, *yếu tố quyết định* là sự quan tâm thống nhất, chỉ đạo sâu sát của hệ thống chính trị, chính quyền các cấp của các tỉnh/thành trong vùng; *yếu tố tạo đột phá* để phát triển du lịch là cơ chế, chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư để tạo sức bật phát triển du lịch, tạo sự lan tỏa để phát triển các ngành kinh tế khác và tạo sức hút để khách du lịch tăng chi tiêu, gia tăng hiệu quả phát triển kinh tế du lịch; *yếu tố tạo hiệu ứng đồng bộ, hiệu quả* đối với phát triển du lịch của cả vùng là cơ chế điều phối phát triển du lịch các địa phương trong vùng và liên kết hiệu quả với Thành phố Hồ Chí Minh, trung tâm điều phối khách du lịch lớn nhất cả nước./.